

Bản án số: 127/2024/HS-PT
Ngày 12 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 739/2023/TLPT- HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thúy Nga, Trần Nguyễn Quốc Bảo và Hoàng Thị Ngọc Huyền. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2023/HS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thúy N (tên gọi khác: B), sinh năm 1994 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075194016767; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); chồng là Nguyễn Thanh Q (đã ly hôn), có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 349/2018/HS-PT ngày 06/7/2018 (giải quyết kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HS-ST ngày 16-01-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai), bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2021; chấp hành xong án phí ngày 18/3/2019; bị cáo bị bắt quả tang, chuyển tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2022 đến nay tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ. (có mặt)

2. Trần Nguyễn Quốc B1 (tên gọi khác: Đ tiêu phụ), sinh năm 1981 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 271404554, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 18/6/2015; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L và bà Nguyễn Thị Tuyết N1; có vợ là chị Dương Thị Kim L1 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 05-8-2014, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã L khởi tố bị can về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Đến ngày 13/11/2015, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định đình chỉ vụ án hình sự số: 01/QĐ-VKS-KS đối với Trần Nguyễn Quốc B1; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, chuyển tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2022 đến nay tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ. (có mặt)

3. Hoàng Thị Ngọc H1 (tên gọi khác: bé T1), sinh năm 1994 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075194016649; nơi đăng ký thường trú: Số B, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Viết D và bà Nguyễn Thị Kim T2; có chồng là Huỳnh Hữu P và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 15/10/2022 đến ngày 22/10/2022, được hủy bỏ tạm giữ theo Quyết định số: 52/QĐ-VKS-TB của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 158/2024/LCĐKNCT ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Bị cáo không kháng cáo:

1. Phạm Tuấn H2, sinh năm 1982 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số 024470297, do Công an Thành phố H cấp ngày 10/5/2010; nơi đăng ký thường trú: Số B, đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Tổ A, Khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân H3 và bà Đỗ Thị T3; có vợ là Phạm Thị H4 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 218/2016/HS-PT ngày 17/8/2016 (giải quyết kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 299/2016/HSST ngày 12-5-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa), bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù

về tội “Cướp tài sản”, theo khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); chấp hành xong án phạt tù ngày 05/4/2020; chấp hành xong án phí ngày 14/10/2016; đã chấp hành xong bản án.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 472/HSST ngày 14/12/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp tài sản công dân”, theo khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985; chấp hành xong án phạt tù ngày 26/7/2002; chấp hành xong án phí ngày 04/9/2002; đã chấp hành xong bản án.

- Tại Quyết định số: 3564/QĐ-UBND ngày 09/7/2012, bị Ủy ban nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người nghiện ma túy cai nghiện tập trung bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Lao động - Xã hội tỉnh Đ, thời hạn 24 tháng; chấp hành xong ngày 02/7/2014.

Bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, chuyển tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2022 đến nay tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ.

2. Vũ Thị G, sinh năm 1994 tại Thái Bình; Căn cước công dân: 034194001387; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình N2 (đã chết) và bà Bùi Thị T4; có chồng là Trần Anh L2; tiền sự: Không; tiền án: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 546/2012/HS-ST ngày 11-9-2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999; chấp hành án hình phạt ngày 22-9-2015; chấp hành xong án phí ngày 10-12-2012; đã chấp hành xong bản án.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm: 199/2019/HS-ST ngày 09-5-2019 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 49/2019/TB-TA ngày 15-6-2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; chấp hành xong án phạt tù ngày 23-4-2020; chấp hành xong bản án ngày 05-5-2020.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-10-2022 đến nay tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ.

3. Dương Thiên B2, sinh năm 1987 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 271842308, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/3/2018; nơi đăng ký thường trú: Tổ F, Khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Cún S và bà Chung Thị H5 (đã chết); tiền sự: Không tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HS-ST ngày 19-4-2019, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 10 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; chấp hành xong hình phạt tù ngày 10-3-2021, chấp hành xong án phí ngày 25-02-2020; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-10-2022 đến nay tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ.

4. Trần Quang D1, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075095019709; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D2 và bà Nguyễn Thị B3; tiền sự: Tại Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số: 229/QĐ-UBND ngày 06/10/2021, bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp giáo dục tại xã C tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; chấp hành xong ngày 06/01/2022; tiền án: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 02/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2020, bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; chấp hành xong quyết định ngày 30/12/2020; bị cáo bị bắt quả tang, chuyển tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2022 đến nay tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy N: Luật sư Phạm Văn Y, Nguyễn Thanh T5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1:

Luật sư Trần Thị Lệ T6, Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

Luật sư Phạm Ngọc H6, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1: Luật sư Vũ Thanh H7, Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với hành vi tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Phạm Tuấn H2:

1.1. Hành vi:

Phạm Tuấn H2 là đối tượng nghiện ma túy tổng hợp (ma túy đá), vào đầu năm 2022, H2 lên mạng xã hội Facebook, đặt mua của 01 người (không rõ lai lịch) 07 cái nỏ thủy tinh, H2 mang về nhà cất giữ, làm dụng cụ sử dụng ma túy cho bản thân.

Khoảng tháng 9/2022, H2 liên lạc điện thoại di động qua ứng dụng Zalo gặp người tên H8 (chưa rõ lai lịch), thỏa thuận mua 01 gói ma túy đá, với giá 3.500.000 đồng; sau đó, H8 mang ma túy đến nhà bán cho H2 theo như thỏa thuận. Sau khi mua ma túy, H2 sử dụng hết một phần gói ma túy, phần còn lại H2 cất giấu, mục đích bán lại để kiếm lời, cụ thể:

- Trong tháng 9/2022, tại nhà thuộc Tổ A, Khu phố C, phường L, thành phố B, H2 đã 01 lần bán 8,3gam ma túy (loại Methamphetamine), với giá 4.500.000 đồng cho Vũ Thị G, để cân trừ nợ mà H2 thiếu G trước đó.

- Đến ngày 11/10/2022, H2 tiếp tục mua thiếu (nợ) 01 gói ma túy đá, với giá 140.000.000 đồng của người tên H8 (chưa rõ lai lịch). Sau đó, H2 điện thoại thông báo cho Nguyễn Thị Thúy N, đến nhà H2 mua bán ma túy và yêu cầu N gọi Trần Nguyễn Quốc B1 đi cùng; sau đó, Quốc B1 và Thúy N đi đến nhà H2. Tại đây, H2 đã bán cho Thúy N và Quốc B1 (mua chung) 01 gói ma túy đá, với giá 28.000.000 đồng; Quốc B1 trả trước cho H2 8.000.000 đồng; số tiền còn lại, Thúy N và Quốc B1 trả cho H2 sau.

1.2. Vật chứng, tài sản, đồ vật bị thu giữ (bút lục số: 319, 324):

Đến 13 giờ 30 phút ngày 14/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T khám xét khẩn cấp nhà của Phạm Tuấn H2 tại Tổ A, Khu phố C, phường L, thành phố B, thu giữ:

- 01 gói ny-lon bên trong có chứa tinh thể màu trắng (Phong bì 1, ký hiệu M2.1);

- 01 gói ny-lon màu đen bên trong có 01 bì ny-lon chứa chất màu trắng (Phong bì 2, ký hiệu M2.2);

- 01 gói ny-lon chứa chất màu trắng (Phong bì 3, ký hiệu M2.3);

- 11 bì ny-lon bên trong dính chất màu trắng (Phong bì 4, ký hiệu M2.4);

- 04 bình thủy tinh; 04 ống hút nhựa và 07 nỏ thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

- Ngoài ra, còn thu giữ thêm của H2: 01 điện thoại di động hiệu S1 có số thuê bao 0868.087.839; 02 cân tiểu ly; 01 bóp da màu đen; 1.500.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe hạng C (tất cả đều mang tên Phạm Tuấn H2).

Tiếp tục, khám xét nơi thuê trọ của H2 tại Phòng A202, Nhà nghỉ T8 (Số A, đường P, Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), thu giữ của H2:

- 01 hộp sắt màu xanh bên trong có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (01 nõ thủy tinh, 01 chai nhựa), H2 khai do H8 (chưa rõ lai lịch) cho H2, để sử dụng ma túy;

- 01 máy vi tính xách tay hiệu HP.

1.3. Giám định:

Tại Kết luận giám định số: 2170/KL-KTHS ngày 20/10/2022 của Phòng K - Công an tỉnh Đ (bút lục số: 160), kết luận:

- Mẫu chất màu trắng (Ký hiệu mẫu M2.1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 14,3202gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu chất màu trắng (Ký hiệu mẫu M2.2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 499,5gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu chất màu trắng (Ký hiệu mẫu M2.3) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 5,0435gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu chất màu trắng dính trong 11 (mười một) gói ny-lon (Ký hiệu mẫu M2.4) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu dạng vệt, không xác định được khối lượng.

2. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Vũ Thị G:

Sau khi có 8,3gam ma túy mua từ Phạm Tuấn H2, ngày 29/9/2022, tại khu vực phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, G đã bán 8,3gam ma túy trên, với giá 4.500.000 đồng cho Nguyễn Thị Thúy N; N trả trước cho G 3.500.000 đồng; số tiền còn lại N nợ.

Đến ngày 15/10/2022, Vũ Thị G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Thu giữ của G, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Vivo có số thuê bao 0921.054.524 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 0962.237.945 (bút lục số: 643).

3. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Nguyễn Quốc B1:

3.1. Hành vi:

Sau khi mua ma túy của H2, Quốc B1 và N mang đến nhà trọ của Hoàng Thị Ngọc H1 và Dương Thiên B2; tại đây, Quốc B1 đưa gói ma túy đá và nhờ H1 phân ra 04 gói nhỏ có khối lượng 40,9406gam đưa cho N giữ; số ma túy còn lại 50gam, H1 đưa lại cho Quốc B1. Sau đó, Quốc B1 mang ma túy về phân thành nhiều gói, để mang bán lại kiếm lời.

3.2. Vật chứng, tài sản, đồ vật bị thu giữ:

Đến 02 giờ ngày 15/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T khám xét khẩn cấp nhà của Trần Nguyễn Quốc B1, tại tổ B, khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, thu giữ của Quốc B1, gồm: 01 cân tiểu ly; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (01 bình nhựa và 01 nỏ thủy tinh); 01 điện thoại di động hiệu S1 có số thuê bao 0961.795.079; 07 gói ny-lon bên trong chứa chất bột màu trắng (niêm phong trong phong bì Ký hiệu M3.1), Quốc B1 khai là ma túy đá mua của H2; 01 gói ny-lon bên trong chứa 01 viên nén màu hồng, hình vuông (Ký hiệu M3.3.1), 01 gói ny-lon bên trong chứa 01 viên nén màu xám (phong bì Ký hiệu M3.2.2), 01 gói ny-lon bên trong chứa 06 viên nén hình tròn màu cam (Ký hiệu M3.2.3), 01 gói ny-lon bên trong chứa 08 viên nén hình tròn màu gạch (Ký hiệu M3.2.4), 01 gói ny-lon bên trong chứa 05 viên nén màu xanh (Ký hiệu M3.2.5) cùng 01 viên nén màu xanh nhạt (Ký hiệu M3.2.6) và 01 gói ny-lon bên trong chứa 14 viên nén màu cam (Ký hiệu M3.2.7). Tất cả được niêm phong trong (phong bì Ký hiệu M3.2), Quốc B1 khai các viên nén là thuốc lắc để sử dụng (bút lục số 522).

3.3. Giám định:

Tại Kết luận giám định số: 2171/KL-KTHS ngày 21/19/2022 của Phòng K - Công an tỉnh Đ (bút lục số: 164, 165), kết luận:

- Phong bì ký hiệu M3.1: Mẫu chất màu trắng (Ký hiệu M3.1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 25,5496gam, loại Methamphetamine.

- Phong bì ký hiệu M3.2: Mẫu 01 (một) viên nén màu hồng (Ký hiệu M3.2.1) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 0,4859gam, loại Caffeine; Mẫu 01 (một) viên nén màu xám (Ký hiệu M3.2.2) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 0,4901gam, loại Caffeine và P1; Mẫu 06 (sáu) viên nén hình tròn màu cam (Ký hiệu M3.2.3) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 1,8955gam, không tìm thấy chất ma túy và tiền chất thuộc

Danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành theo Nghị định số: 57/2002/NĐ-CP ngày 25/8/2002 của Chính phủ; Mẫu 08 (tám) viên nén hình tròn màu gạch (Ký hiệu M3.2.4) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 2,7862gam, không tìm thấy chất ma túy và tiền chất thuộc Danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành theo Nghị định số: 57/2002/NĐ-CP ngày 25/8/2002 của Chính phủ; Mẫu 05 (năm) viên nén màu xanh (Ký hiệu M3.2.5) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 2,4436gam, loại Caffeine; Mẫu 01 (một) viên nén màu xanh nhạt (Ký hiệu M3.2.6) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 0,4835gam, loại Caffeine và P1; Mẫu 14 (mười bốn) viên nén màu cam (Ký hiệu M3.2.7) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 7,3246gam, loại Caffeine.

C và P1 không thuộc danh mục ma túy và tiền chất ma túy theo Nghị định số: 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

4. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Thúy N và Trần Quang D1:

4.1. Hành vi:

Sau khi có 8,3 gam ma túy (loại Methamphetamine) mua từ Vũ Thị G, Nguyễn Thị Thúy N mang đến nhà trọ tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai do Hoàng Thị Ngọc H1 và Dương Thiên B2 thuê (H1 và B2 sống như vợ chồng và cùng chung bán ma túy đá). Tại đây, N lấy gói ma túy trên và mượn cân tiểu ly của Thiên Bảo cân bán 2,5gam ma túy, với giá 1.200.000 đồng cho Thiên B2 và H1; số ma túy còn lại, N mang về nhà tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai phân ra thành nhiều gói, cất giấu trong tủ quần áo (Nga sống chung như vợ chồng với Trần Quang D1). D1 biết chỗ N cất giấu ma túy và đã nhiều lần giúp sức N bán trái phép chất ma túy để kiếm lời, cụ thể:

- Trong tháng 9/2022, tại khu vực gần Công ty P2 thuộc Khu Công nghiệp B, huyện T, D1 đã giúp sức N bán 01 lần 01 gói ma túy đá, với giá 200.000 đồng cho người tên H9 (chưa rõ lai lịch).

- Ngày 05/10/2022, tại địa điểm trên D1 tiếp tục giúp sức N bán 01 lần 01 gói ma túy đá, với giá 200.000 đồng cho người tên H9 (chưa rõ lai lịch), nhưng Huỳnh nợ lại tiền.

- Ngoài ra, ngày 12/10/2022, N và D1 còn 01 lần giúp sức H1 bán 01 gói ma túy đá, trị giá 300.000 đồng cho người tên L3 (chưa rõ lai lịch).

4.2. Vật chứng, tài sản, đồ vật bị thu giữ:

Sau khi N được Quốc Bảo chia lại 04 gói ma túy nhỏ trên có khối lượng 40,9406gam, loại Methamphetamine thì N mang về nhà, phân thành nhiều gói,

để bán lại kiếm lời; chưa kịp bán, vào lúc 20 giờ 45 phút ngày 13/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong phòng ngủ của N, gồm: trên bàn trang điểm 01 gói ny-lon bên trong chứa tinh thể màu trắng (Ký hiệu mẫu M1, N mua của H2), dưới ngăn bàn trang điểm 02 gói ny-lon bên trong có chứa tinh thể màu trắng (Ký hiệu mẫu M2, N được G1 (chưa rõ lai lịch) cho để sử dụng); trong tủ quần áo 01 gói ny-lon bên trong có chứa tinh thể màu trắng (Ký hiệu mẫu M3, N mua của G) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (chai thủy tinh, nỏ thủy tinh); trong chiếc giày 04 gói ny-lon bên trong có chứa tinh thể màu trắng (Ký hiệu mẫu M4, N mua của H2) và 01 gói ny-lon bên trong chứa: 01 viên nén màu lam, 01 mẫu viên nén màu nâu, 01 mẫu viên nén màu hồng, cam (Ký hiệu mẫu M5, M6, M7, N được Quốc B1 và H1 cho để sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Vsmart có số thuê bao 1: 0827.435.348 và 0765.094.435; 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 0909.416.776. Ngoài ra, thu giữ của D1 01 điện thoại di động hiệu OPPO (không sim).

4.3. Giám định (bút lục số: 155, 156):

Tại Kết luận giám định số: 2169/KL-KTHS ngày 21/10/2022 của Phòng K - Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Mẫu chất màu trắng (Ký hiệu mẫu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 4,9196gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu chất màu trắng (Ký hiệu mẫu M2) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 17,5026gam, loại Dimethyl Sulfone.

- Mẫu chất màu trắng (Ký hiệu mẫu M3) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,2774gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu chất màu trắng (Ký hiệu mẫu M4) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 36,0210gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu viên nén màu lam (Ký hiệu mẫu M5) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 0,4488gam, loại Caffeine.

- Mẫu viên nén màu nâu (Ký hiệu mẫu M6) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 0,1034gam, loại Panadol và C.

- Mẫu viên nén màu hồng (cam) (Ký hiệu mẫu M7) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 0,2976gam, loại Caffeine.

Dimethyl Sulfone, P1 và C không thuộc danh mục ma túy và tiền chất ma túy theo Nghị định số: 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

5. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Dương Thiên B2 và Hoàng Thị Ngọc H1:

Sau khi có 2,5gam ma túy, loại Methamphetamine mua của N, Dương Thiên B2 cùng với Hoàng Thị Ngọc H1 cất giấu tại phòng trọ, để mang đi bán, cụ thể:

- Sáng ngày 30/9/2022, H1 điện thoại cho Thiên B2 mang 01 gói ma túy đến khu vực Khu Công nghiệp D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, bán cho người thanh niên (chưa rõ lai lịch) với giá 500.000 đồng; chiều cùng ngày, tại địa điểm trên, Thiên B2 cùng H1 01 lần bán 01 gói ma túy đá, với giá 200.000 đồng cho Nguyễn Quốc H10 (chưa rõ lai lịch). Số tiền bán ma túy có được, Thiên B2 đưa cho H1 cất giữ và tiêu xài hết.

- Ngày 12/10/2022, H1 đến nhà N tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai hỏi mượn của N 01 gói ma túy đá, trị giá 300.000 đồng, để mang đi bán; N đồng ý và nói D1 lấy gói ma túy đá đưa cho H1; đồng thời, H1 nhờ D1 chở đi bán ma túy. D1 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số, D1 mượn của người không rõ lai lịch) chở H1 đi đến khu vực chợ H12, thuộc xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, để bán cho người tên L3 (chưa rõ lai lịch); tuy nhiên, khi đến địa điểm trên thì L3 không mua, nên D1 chở H1 mang gói ma túy về nhà trọ của H1 cất giấu; sau đó, H1 vứt bỏ.

Đến ngày 15/10/2022, Hoàng Thị Ngọc H1 và Dương Thiên B2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên. Thu giữ của H1 gồm: 01 điện thoại di động hiệu S1 có số thuê bao 0862.119.577 (bút lục số: 565, 736).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2023/HS-ST ngày 24/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

- *Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy N, Trần Nguyễn Quốc B1 và Hoàng Thị Ngọc H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy N 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13-10-2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14-10-2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Hoàng Thị Ngọc H1 vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, từ ngày 15-10-2022 đến ngày 22-10-2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Phạm Tuấn H2, Trần Quang D1, Dương Thiên B2 và Vũ Thị G; biện pháp ngăn chặn, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thúy N và bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/8/2023, bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 kháng cáo kêu oan về số lượng ma túy phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ ràng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định và quy kết các bị cáo Nguyễn Thị Thúy N, Trần Nguyễn Quốc B1 và Hoàng Thị Ngọc H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, xử phạt như đã tuyên tại bản án sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy N và Trần Nguyễn Quốc B1 trình bày: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm và rất ăn năn hối cải về hành vi sai trái của mình. Các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 trình bày: Bị cáo thừa nhận bị cáo Quốc B1 đưa cho bị cáo gói ma túy, bị cáo phân chia đưa cho bị cáo N 1 phần, phần còn

lại đưa cho bị cáo Quốc B1. Do trước đây nhận thức của bị cáo không đúng vì cứ nghĩ khi nhận gói ma túy từ bị cáo B1, bị cáo H1 phân chia ma túy đưa một phần cho bị cáo N thì chỉ phạm tội đối với khối lượng ma túy đưa cho N, còn phần ma túy còn lại bị cáo đưa trả cho bị cáo của B1 thì bị cáo không chịu trách nhiệm hình sự phần ma túy đưa lại cho B1. Nay bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên không kháng cáo kêu oan nữa mà kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã ra đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết trong hồ sơ vụ án để giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Trần Thị Lệ T6 và Luật sư Phạm Ngọc H6 trình bày: Không đồng ý với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm vì bị cáo Quốc B1 không nhằm mục đích mua ma túy về để bán, mà mua về để sử dụng như bản kết luận điều tra (trang 11), nên không thể định tội danh cho bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Không đồng ý với xác định của Hội đồng xét xử sơ thẩm về khối lượng ma túy mà bị cáo N và bị cáo Quốc B1 nhận tại nhà H2 là 90.9406g, vì N và Quốc B1 không có sự đồng phạm nên mỗi người phải tự chịu trách nhiệm với lượng ma túy của mỗi bên khi mua của H2. Quốc Bảo chỉ chịu trách nhiệm 1/2 lượng ma túy này (khoảng 50gam). Sau khi mua ma túy của H2, Quốc B1 không yêu cầu Hoàng Thị Ngọc H1 phân ma túy cho mình; việc này là do H1 tự phân chia (04 gói (10gam/gói)) để N mang về nơi ở của N. Như vậy, Quốc Bảo chỉ chịu trách nhiệm đối với phần mình mua của H2, không thể chịu trách nhiệm cả phần của N, không có yếu tố đồng phạm với N. Quốc Bảo chỉ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", với khối lượng 25,5496g Methamphetamine, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về hình phạt, bị cáo có 01 nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo là người nghiện ma túy đã 13 năm, mục đích mua là để sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo mức án thấp nhất, có thể, mức đề nghị là 06 năm tù.

Luật sư Phạm Văn Y và Luật sư Nguyễn Thanh T5 trình bày: Về tội danh thống nhất như quan điểm cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tuy nhiên, về khối lượng mua bán đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại. Bởi lẽ, khối lượng ma túy mua của Phạm Tuấn H2 xác định là N mua chung với Trần Nguyễn Quốc B1, nên N chỉ chịu trách nhiệm 1/2 lượng ma túy này (khoảng 50gam). Về hình phạt: Do lượng ma túy mua bán số lượng được xác định ít hơn cáo trạng truy tố, nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đúng theo khối lượng ma túy bị cáo phạm tội để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Luật sư Vũ Thanh H7 trình bày: Về tội danh: Thống nhất như quan điểm cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, việc truy tố và xét xử bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 ở khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là quá nghiêm khắc. Bởi vì, việc bị cáo giúp Quốc B1 và Thúy N phân chia ma túy là vô tư, không vụ lợi; bị cáo có con nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khung hình phạt phù hợp đối với bị cáo H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 mời Luật sư Nguyễn Xuân T7 bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, phiên tòa phúc thẩm lần 1 và phiên tòa hôm nay Luật sư T7 đều vắng mặt. Bị cáo H1 có ý kiến không yêu cầu Luật sư T7 bào chữa cho bị cáo nữa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chỉ định Luật sư Vũ Thành H11 bào chữa cho của bị cáo H1, bị cáo H1 đã đồng ý Luật sư H11 bào chữa cho bị cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận giám định, biên bản khám xét, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định như sau:

[2.1.1] Phạm Tuấn H2 là đối tượng nghiện ma túy tổng hợp (ma túy đá). Vào đầu năm 2022, H2 lên mạng xã hội Facebook đặt mua của 01 người (không rõ lai lịch) 07 cái nỏ thủy tinh, H2 mang về nhà cất giữ, làm dụng cụ sử dụng ma túy cho bản thân.

Khoảng tháng 9/2022, H2 liên lạc điện thoại di động qua ứng dụng Zalo gặp người tên H8 (chưa rõ lai lịch), thỏa thuận mua 01 gói ma túy đá, với giá 3.500.000 đồng, H8 mang ma túy đến nhà bán cho H2 theo như thỏa thuận. Sau khi mua ma túy, H2 sử dụng hết một phần gói ma túy, phần còn lại H2 cất giấu, mục đích bán lại để kiếm lời. Cụ thể trong tháng 9/2022, tại nhà thuộc tổ A, khu phố C, phường L, thành phố B, H2 đã 01 lần bán 8,3 gam ma túy (loại Methamphetamine) với giá 4.500.000 đồng cho Vũ Thị G, để cản trừ nợ mà H2

thiếu G trước đó. Đến ngày 11/10/2022, H2 tiếp tục mua thiếu (nợ) 01 gói ma túy đá với giá 140.000.000 đồng của người tên H8 (chưa rõ lai lịch). Sau đó, H2 điện thoại thông báo cho Nguyễn Thị Thúy N, đến nhà H2 mua bán ma túy và yêu cầu N gọi Trần Nguyễn Quốc B1 đi cùng. Quốc B1 và Thúy N cùng đi đến nhà H2, tại đây H2 đã bán cho Thúy N và Quốc B1 (mua chung) 01 gói ma túy đá, với giá 28.000.000 đồng, Quốc B1 trả trước cho H2 8.000.000 đồng, số tiền còn lại Thúy N và Quốc B1 hẹn trả cho H2 sau.

[2.1.2] Bị cáo Nguyễn Thị Thúy N là đối tượng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi bị cáo N mua từ Vũ Thị G 8,3 gam ma túy (loại Methamphetamine) thì mang đến nhà trọ do Hoàng Thị Ngọc H1 và Dương Thiên B2 thuê tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (H1 và B2 sống như vợ chồng và cùng chung bán ma túy đá). Tại đây N lấy gói ma túy trên và mượn cân tiểu ly của Thiên B2 cân bán 2,5gam ma túy với giá 1.200.000 đồng cho Thiên B2 và H1. Số ma túy còn lại, N mang về nhà tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai phân ra thành nhiều gói, cất giấu trong tủ quần áo (Nga sống chung như vợ chồng với Trần Quang D1). D1 biết chỗ N cất giấu ma túy và đã nhiều lần giúp sức N bán trái phép chất ma túy để kiếm lời.

[2.1.3] Trần Nguyễn Quốc B1 là đối tượng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngay sau khi mua ma túy của H2 như nêu tại mục [2.1.1] thì Quốc B1 và N mang số ma túy vừa mua đến nhà trọ của Hoàng Thị Ngọc H1 và Dương Thiên B2. Tại đây, Quốc B1 đưa gói ma túy đá và nhờ Hoàng Thị Ngọc H1 phân ra 04 gói nhỏ có khối lượng 40,9406g đưa cho N giữ, số ma túy còn lại 50gam, H1 đưa lại cho Quốc B1. Sau đó, Quốc B1 mang ma túy về phân thành nhiều gói, mục đích để mang bán lại kiếm lời.

[2.1.4] Hoàng Thị Ngọc H1 là đối tượng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi có 2,5g ma túy, loại Methamphetamine mua của N như nêu tại mục [2.1.2] thì Dương Thiên B2 cùng với Hoàng Thị Ngọc H1 cất giấu tại phòng trọ, để mang đi bán.

Sáng ngày 30/9/2022, H1 điện thoại cho Thiên B2 mang 01 gói ma túy đến khu vực Khu Công nghiệp D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, bán cho người thanh niên (chưa rõ lai lịch) với giá 500.000 đồng. Chiều cùng ngày cũng tại địa điểm này, Thiên B2 cùng H1 01 lần bán 01 gói ma túy đá, với giá 200.000 đồng cho Nguyễn Quốc H10 (chưa rõ lai lịch). Số tiền bán ma túy có được, Thiên B2 đưa cho H1 cất giữ và tiêu xài hết.

Ngày 12/10/2022, H1 đến nhà N tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai hỏi mượn của N 01 gói ma túy đá, trị giá 300.000 đồng để mang đi bán, N đồng ý và nói D1 lấy gói ma túy đá đưa cho H1, đồng thời H1 nhờ D1 chở đi bán ma túy. D1 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số, D1 mượn của người không rõ lai

lịch) chở H1 đi đến khu vực chợ H12, thuộc xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, để bán cho người tên L3 (chưa rõ lai lịch). Tuy nhiên, khi đến địa điểm trên thì L3 không mua, nên D1 chở H1 mang gói ma túy về nhà trọ của H1 cất giấu, sau đó H1 vứt bỏ.

[2.1.5] Đến ngày 15/10/2022, Hoàng Thị Ngọc H1 và Dương Thiên B2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Thúy N, Trần Nguyễn Quốc B1, Hoàng Thị Ngọc H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan.

[2.3] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Thúy N, Trần Nguyễn Quốc B1 và Hoàng Thị Ngọc H1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo có các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như sau:

[2.4.1] Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy N phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1 không có tình tiết tăng nặng.

[2.4.2] Tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 đầu thú và tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính; có cậu chồng là Liệt sĩ. Bị cáo H1 và bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn, nuôi con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo N và bị cáo B1 vẫn giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo H1 thay đổi kháng cáo, từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.5.1] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thúy N và Trần Nguyễn Quốc B1.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu tại mục [2.4] cho các bị cáo. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nhân thân của các bị cáo đều đã từng bị kết án về các tội liên quan đến ma túy, từ đó xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy N 18 (mười tám) năm tù, bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1 17 (mười bảy) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được chứng cứ nào mới là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2.5.2] Đối với bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1.

Ban đầu bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 kháng cáo cho rằng số lượng ma túy Tòa án cấp sơ thẩm kết tội cho bị cáo là 90,9406g Methamphetamine là chưa đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo không kháng cáo kêu oan mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và thừa nhận có thực hiện hành vi giúp sức cho Quốc B1 và N đối với số lượng ma túy 90,9406g Methamphetamine. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bị cáo đã có nhận thức tích cực về hành vi phạm tội của mình, nhưng căn cứ vào hành vi, số lượng ma túy bị cáo phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, từ đó xử phạt bị cáo 15 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1, Nguyễn Thị Thúy N và Hoàng Thị Ngọc H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1, Nguyễn Thị Thúy N và Hoàng Thị Ngọc H1 phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1, Nguyễn Thị Thúy N và Hoàng Thị Ngọc H1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 117/2023/HS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy N, Trần Nguyễn Quốc B1 và Hoàng Thị Ngọc H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

3. Về hình phạt:

3.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy N 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13-10-2022.

3.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Quốc B1 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14-10-2022.

3.3. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thị Thúy N và Trần Nguyễn Quốc B1 để đảm bảo thi hành án.

3.4 Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Ngọc H1 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Hoàng Thị Ngọc H1 vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15-10-2022 đến ngày 22-10-2022.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Thúy N, Trần Nguyễn Quốc B1, Hoàng Thị Ngọc H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (2)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Công an tỉnh Đồng Nai; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai; (1)
- TTG CA tỉnh Đồng Nai; (1)
- “Để tổng đạt cho các bị cáo kháng cáo”; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 21b. (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Yên

Phan Tô Ngọc

Vũ Ngọc Huynh